

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**  
**LUẬT KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

Luật khí tượng thủy văn được Quốc hội thông qua ngày 23/11/2015 tại kỳ họp thứ 10. Chủ tịch nước ký lệnh công bố ngày 4/12/2015. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

**1. Chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về khí tượng thủy văn**

Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, quan điểm nhằm mục tiêu thúc đẩy, nâng cao chất lượng hoạt động khí tượng thủy văn. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX ngày 10 tháng 4 năm 2006 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010, phân định hướng phát triển đã chỉ rõ nhiệm vụ từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn; Nghị quyết số 24 - NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó phần mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể đã xác định xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc các trọng tâm ưu tiên thực hiện từ nay đến năm 2020...

Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về khí tượng thủy văn, Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2010, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW và mới đây nhất là Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH13 ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội khóa XIII về kết quả giám sát và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long đều xác định nhiệm vụ xây dựng dự án Luật khí tượng thủy văn, hoàn thiện pháp luật về khí tượng thủy văn là một trong các nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động khí tượng thủy văn trong tổng thể mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## **2. Yêu cầu của công tác quản lý đối với hoạt động khí tượng thủy văn**

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển ngành khí tượng thủy văn, văn bản có giá trị pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động khí tượng thủy văn là Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn, ban hành năm 1994. Ngoài ra, hoạt động khí tượng thủy văn còn được quy định trong một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực phòng, chống thiên tai, quản lý tài nguyên nước, giao thông vận tải, xây dựng, thủy điện... Các văn bản quy phạm pháp luật này đã bước đầu tạo được hành lang pháp lý phục vụ công tác chuyên môn của hệ thống cơ quan, tổ chức thuộc Ngành khí tượng thủy văn nói riêng, các cơ quan thuộc Ngành tài nguyên và môi trường nói chung.

Tuy nhiên, qua tổng kết, đánh giá việc thi hành pháp luật về khí tượng thủy văn giai đoạn 1994 - 2014 cho thấy, văn bản quy phạm pháp luật về khí tượng thủy văn còn chưa đầy đủ và không có hệ thống nên đã không bao quát được các hoạt động khí tượng thủy văn đang ngày càng phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## **3. Yêu cầu của thực tiễn đối với hoạt động khí tượng thủy văn**

Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa có chế độ khí hậu, thủy văn rất phức tạp và đa dạng. Các loại thiên tai khí tượng thủy văn như bão, lũ lụt, nước biển dâng, mưa lớn, hạn hán, rét hại... hàng ngày, hàng giờ tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống. Đặc biệt, Việt Nam là một trong số ít các nước được đánh giá là bị tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, thiên tai khí tượng thủy văn có xu hướng gia tăng cả về tần suất, cường độ. Bên cạnh đó, các nhu cầu về thông tin khí tượng thủy văn ngày càng nhiều hơn, với các đối tượng đa dạng hơn, đòi hỏi dịch vụ khí tượng thủy văn phải phát triển tương xứng. Hoạt động khí tượng thủy văn

theo truyền thống trước đây chỉ có Nhà nước đảm nhiệm nay sẽ cần có thêm những thành phần khác tham gia và xu hướng xã hội hóa hoạt động khí tượng thủy văn trở thành xu thế tất yếu. Vì vậy rất cần có những cơ chế pháp lý quản lý các hoạt động khí tượng thủy văn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, cũng như khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khí tượng thủy văn.

Về mặt đối ngoại, Việt Nam là thành viên của Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO) và nhiều điều ước quốc tế khác liên quan đến khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần có những cơ chế pháp lý tương xứng, vừa để phù hợp thông lệ quốc tế, vừa để bảo đảm quyền và lợi ích quốc gia. Hành lang pháp lý thể hiện dưới hình thức là một văn bản luật do Quốc hội ban hành là đặc biệt cần thiết, bảo đảm tuân thủ các điều ước quốc tế và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế có hiệu quả về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu trong giai đoạn hiện nay.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Luật khí tượng thủy văn là hoàn toàn cần thiết. Luật sẽ tạo ra bước thay đổi quan trọng cho công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn; bảo đảm điều kiện cho hoạt động khí tượng thủy văn phát triển, cung cấp và sử dụng thông tin khí tượng thủy văn trong các lĩnh vực kinh tế xã hội có hiệu quả. Đồng thời, Luật tạo hành lang pháp lý cho hoạt động khí tượng thủy văn trong công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

### **1. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật khí tượng thủy văn**

- Quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò của công tác khí tượng thủy văn.

- Bảo đảm tính thống nhất của Luật khí tượng thủy văn với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực liên quan.

- Bảo đảm hoạt động khí tượng thủy văn đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và các hoạt động kinh tế xã hội liên quan.

- Bảo đảm sự phù hợp với các quy định, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết hoặc là thành viên.

## **2. Mục tiêu chính sách của Luật khí tượng thủy văn**

- Nhà nước thống nhất quản lý các hoạt động khí tượng thủy văn.

- Các hoạt động khí tượng thủy văn mang tính chất phục vụ lợi ích chung, phòng, chống thiên tai, quốc phòng, an ninh quốc gia phải do cơ quan khí tượng thủy văn của nhà nước chịu trách nhiệm; đồng thời Luật khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khí tượng thủy văn, đáp ứng các yêu cầu đa dạng của kinh tế - xã hội.

- Các sản phẩm của hoạt động khí tượng thủy văn được phân thành hai loại: loại phục vụ công cộng, lợi ích quốc gia được cung cấp miễn phí, phổ biến rộng rãi; loại phục vụ chuyên dùng được coi như một loại hàng hoá và đối tượng sử dụng phải thực hiện nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí phù hợp.

- Hoạt động khí tượng thủy văn cung cấp thông tin “đầu vào” cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu bao gồm cả thích ứng và giảm nhẹ, do vậy nhiệm vụ chủ yếu trong ứng phó với biến đổi khí hậu của Ngành khí tượng thủy văn là giám sát biến đổi khí hậu.

- Một số hoạt động khí tượng thủy văn có ảnh hưởng lớn tới đời sống cộng đồng, xã hội mặc dù chưa được thực hiện ở Việt Nam do phụ thuộc vào trình độ, công nghệ, nguồn lực nhưng cũng đã được quy định bước đầu trong Luật khí tượng thủy văn như hoạt động tác động vào thời tiết.

## **III. BỐ CỤC CỦA LUẬT KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

Luật khí tượng thủy văn gồm 10 Chương, 57 Điều, cụ thể là:

- Chương 1. Quy định chung: gồm 8 điều (từ Điều 1 đến Điều 8) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, các nguyên tắc, chính sách hoạt động khí tượng thủy văn, phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền,

nâng cao nhận thức, truyền thông về hoạt động khí tượng thủy văn và các hành vi bị cấm.

- Chương 2. Quản lý, khai thác mạng lưới trạm khí tượng thủy văn: gồm 11 Điều (từ Điều 9 đến Điều 19) quy định về nội dung quản lý, khai thác mạng lưới trạm khí tượng thủy văn; mạng lưới trạm khí tượng thủy văn; quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia; kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của Bộ, ngành, địa phương; quan trắc khí tượng thủy văn; thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn; hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn; bảo vệ công trình khí tượng thủy văn; điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn; quản lý chất lượng phương tiện đo khí tượng thủy văn; kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn.

- Chương 3. Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn: gồm 9 Điều (từ Điều 20 đến Điều 28) quy định về nội dung hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; yêu cầu đối với dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; nội dung bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia; dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân không thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia; truyền, phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn; sử dụng bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quản lý hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

- Chương 4. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn: gồm 4 Điều (từ Điều 29 đến Điều 32) quy định về nội dung thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; lưu trữ thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

- Chương 5. Giám sát biến đổi khí hậu: gồm 5 Điều (từ Điều 33 đến Điều 37) quy định về: nội dung giám sát biến đổi khí hậu; cơ sở dữ liệu về giám sát biến đổi khí hậu; đánh giá khí hậu quốc gia; kịch bản biến đổi khí hậu; lồng ghép kết quả giám sát biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

- Chương 6. Hoạt động phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn: gồm 3 Điều (từ Điều 38 đến Điều 40) quy định về nội dung hoạt động phục vụ, dịch vụ khí

tượng thủy văn; cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn; quyền và nghĩa vụ của tổ chức sự nghiệp công lập về khí tượng thủy văn, tổ chức, cá nhân khác cung cấp dịch vụ khí tượng thủy văn

- Chương 7. Tác động thời tiết: gồm 4 Điều (từ Điều 41 đến Điều 44) quy định về nguyên tắc tác động vào thời tiết; các trường hợp được tác động vào thời tiết; cơ quan, tổ chức thực hiện tác động vào thời tiết; xây dựng, phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết và giám sát thực hiện.

- Chương 8. Hợp tác quốc tế về hoạt động khí tượng thủy văn: gồm 4 điều (từ Điều 45 đến Điều 48) quy định về nguyên tắc hợp tác quốc tế về hoạt động khí tượng thủy văn; nội dung hợp tác quốc tế về hoạt động khí tượng thủy văn; cơ quan đầu mối hợp tác quốc tế về hoạt động khí tượng thủy văn; trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Chương 9. Quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn: gồm 5 điều (từ Điều 49 đến Điều 53) quy định về nội dung quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn; trách nhiệm của Chính phủ; trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp.

- Chương 10. Điều khoản thi hành: gồm 4 điều (từ Điều 54 đến Điều 57) quy định về bổ sung Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư; điều khoản chuyển tiếp; hiệu lực thi hành; quy định chi tiết.

## **IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

### **1. Quy định chung (Chương 1)**

Chương này quy định các nội dung cơ bản nhất, là cơ sở cho các hoạt động khí tượng thủy văn, theo đó:

- *Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1):* những hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật được quy định là toàn bộ các hoạt động khí tượng thủy văn, từ hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo, phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn, tác động vào thời tiết đến giám sát biến đổi khí hậu... Bên cạnh quy định đối với

các hoạt động khí tượng thủy văn, Luật cũng quy định cụ thể trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khí tượng thủy văn.

- *Về đối tượng áp dụng (Điều 2)*: đối tượng áp dụng của Luật bao gồm toàn bộ các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, kể cả những hoạt động của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.

- *Về giải thích từ ngữ (Điều 3)*: Luật giải thích 23 từ ngữ được sử dụng nhiều trong Luật để đảm bảo tính nhất quán trong quá trình triển khai thi hành Luật.

- *Về nguyên tắc hoạt động khí tượng thủy văn (Điều 4)*: Luật quy định 5 nguyên tắc cơ bản, có tính định hướng, đảm bảo cho hoạt động khí tượng thủy văn vừa đáp ứng các yêu cầu trong nước và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Các nguyên tắc này được xây dựng phù hợp với các tính chất kỹ thuật, yêu cầu thực tiễn của hoạt động khí tượng thủy văn, ví dụ nguyên tắc số 1 “Hoạt động khí tượng thủy văn phục vụ chung cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia và phòng, chống thiên tai do ngân sách nhà nước bảo đảm.” hoặc nguyên tắc số 3 “Quan trắc khí tượng thủy văn phải bảo đảm chính xác, liên tục, thống nhất, kết quả quan trắc liên kết được trong phạm vi quốc gia và với quốc tế” và nguyên tắc số 4 “Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phải bảo đảm đủ độ tin cậy; thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phải được truyền, phát kịp thời, chính xác, đầy đủ”.

- *Về chính sách của Nhà nước đối với hoạt động khí tượng thủy văn (Điều 5)*: Các chính sách quy định trong Luật đảm bảo bao quát toàn bộ các yêu cầu phát triển hoạt động khí tượng thủy văn, đối với cả cơ quan khí tượng thủy văn của nhà nước cũng như các điều kiện đảm bảo tạo thuận lợi cho hoạt động của tổ chức, cá nhân trong thời gian tới. Một số chính sách mang tính đặc thù đối với hoạt động khí tượng thủy văn. Cụ thể như đối với chính sách số 1, 3 và 5 xuất phát từ khí tượng thủy văn là một lĩnh vực sự nghiệp hết sức đặc thù, chức năng cơ bản là phục vụ phòng, chống thiên tai, phát triển kinh tế xã hội bền vững.

Đầu tư cho khí tượng thủy văn hết sức lớn và khó thu lại lợi nhuận tức thời, do vậy khó thu hút sự quan tâm, đầu tư của hệ thống tư nhân. Trên thế giới, dù hoạt động theo bất cứ mô hình nào, khí tượng thủy văn của các quốc gia cũng đều được Nhà nước bảo đảm kinh phí toàn bộ hoặc phần lớn hoạt động. Đồng thời, Nhà nước phải bảo đảm các điều kiện kỹ thuật cần và đủ cho hoạt động này, cụ thể như bảo đảm đất đai cho các công trình khí tượng thủy văn hoạt động đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành như quy định tại chính sách số 5. Hoặc như đối với chính sách số 3, hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cần được ưu tiên xây dựng mạng viễn thông dùng riêng xuất phát từ tính chất kỹ thuật đòi hỏi sự nhanh nhạy, kịp thời để chuyển tải các thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, nhất là phục vụ mục đích phòng, chống thiên tai.

Để mở rộng hoạt động khí tượng thủy văn phục vụ các mục đích phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với thực tiễn hiện nay nhiều địa phương đã chủ động sử dụng ngân sách địa phương cho hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn. Do vậy để tạo thuận lợi phát triển hoạt động khí tượng thủy văn tại địa phương, mở rộng sự tham gia của tổ chức, cá nhân, chính sách số 2 đã quy định “*Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khí tượng thủy văn; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.*”.

Bên cạnh đó, thực tiễn của Việt Nam hiện nay cho thấy, ngày càng thiếu hụt nhân lực có trình độ cao vào làm việc trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đặc biệt là làm việc ở khu vực vùng sâu, vùng xa. Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn tới sự thiếu hụt như vậy. Tuy nhiên, qua đánh giá, tổng kết 20 năm thi hành pháp luật khí tượng thủy văn cho thấy nguyên nhân chủ yếu do vẫn chưa có chính sách thu hút, đãi ngộ thỏa đáng, thực sự hiệu quả để tạo động lực cho người tài, người có trình độ vào làm việc trong lĩnh vực khí tượng thủy văn. Do vậy, Luật đề ra chính sách số 6 nhằm khắc phục, giải quyết tình trạng trên, cụ thể là “*Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực làm công tác khí tượng thủy văn; có cơ chế thu hút, đãi ngộ người làm công tác khí tượng thủy văn ở vùng đồng bào*



*dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật”.*

– *Về phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hoạt động khí tượng thủy văn (Điều 6) :* Thời gian qua, hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nhất là công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khí tượng thủy văn chưa được chú trọng nhiều xuất phát cả từ nguyên nhân chủ quan và khách quan. Do vậy, Luật quy định rõ trách nhiệm của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn, trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức xã hội khác trong việc triển khai tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về khí tượng thủy văn. Trong đó, Luật nhấn mạnh Bộ Tài nguyên và Môi trường với trách nhiệm là cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn phải xây dựng, tổ chức thực hiện đề án phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu.

- *Về công tác truyền thông hoạt động khí tượng thủy văn (Điều 7):* Luật quy định cụ thể trách nhiệm của Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và các cơ quan báo chí ở Trung ương và Đài phát thanh, truyền hình địa phương trong vấn đề truyền, phát thông tin khí tượng thủy văn.

– *Về những hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8):* Qua tổng kết, đánh giá tình hình thi hành pháp luật khí tượng thủy văn giai đoạn 1994 – 2014 cho thấy nhiều hành vi vi phạm pháp luật khí tượng thủy văn đã không thể xử lý triệt để do thiếu cơ sở pháp lý, hoặc quy định pháp lý không phù hợp với thực tiễn. Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn chỉ quy định 4 nhóm hành vi vi phạm, chủ yếu chỉ diễn ra liên quan đến hoạt động khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn. Do vậy, Luật đã quy định 14 nhóm hành vi vi phạm pháp luật khí tượng thủy văn mang tính phổ quát, dễ xảy ra nhất trên thực tế để làm căn cứ, cơ sở cho công tác quản lý đối với hoạt động trong lĩnh vực này.

## **2. Quản lý, khai thác mạng lưới trạm khí tượng thủy văn (Chương 2)**

Chương này kế thừa nhiều nội dung còn phù hợp của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn năm 1994. Đồng thời, Chương còn có các quy định quan trọng để đảm bảo điều chỉnh bao quát được toàn bộ các nội dung về quản lý, khai thác mạng lưới trạm trên thực tế, cụ thể như:

- *Về mạng lưới trạm khí tượng thủy văn (Điều 10):* Luật điều chỉnh toàn bộ mạng lưới các trạm khí tượng thủy văn đang tồn tại, hoạt động theo các mục đích khác nhau trong thực tế hiện nay. Trong đó, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản lý và khai thác. Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng do các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác.

Để tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành khí tượng thủy văn, Luật quy định về hệ thống trạm giám sát biến đổi khí hậu được lựa chọn từ mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia hoặc được xây dựng mới. Hệ thống trạm này có chức năng chủ yếu là theo dõi, thu thập, phân tích, đánh giá diễn biến của khí hậu trong khoảng thời gian dài để tìm ra các quy luật biến đổi của khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường, sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội.

- *Về quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của Bộ, ngành, địa phương (Điều 11 và Điều 12):* Luật quy định các vấn đề cơ bản nhất về quy hoạch đối với mạng lưới trạm khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu quốc gia. Còn đối với mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng sẽ căn cứ theo quy định của Luật và yêu cầu, mục đích riêng của Bộ, ngành, địa phương.

- *Về quan trắc khí tượng thủy văn (Điều 13):* Bên cạnh yêu cầu đối với việc quan trắc của các mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và chuyên dùng, Luật cũng đặt ra quy định đối với hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn của các chủ công trình khi xây dựng, khai thác chịu tác động hoặc gây tác động đến

điều kiện khí tượng thủy văn mà có khả năng ảnh hưởng đến an toàn, tính mạng, tài sản của cộng đồng thì chủ công trình phải tổ chức quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định. Bên cạnh đó, đối với hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn trên tàu bay, tàu biển thì khuyến khích chủ tàu bay, tàu biển hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn và phát báo kết quả quan trắc cho hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia theo mã luật của Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO) và Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO). Quy định này nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng và tính thống nhất trong quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn, phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai, đồng thời phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam. Quy định cũng được nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc từ kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là các quốc gia có hoạt động khí tượng thủy văn phát triển.

Quy định về thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn (Điều 14) đã lược bỏ chính sách nâng cấp, hạ cấp loại trạm khí tượng thủy văn so với Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn, để phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay.

Hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn, bảo vệ công trình khí tượng thủy văn (Điều 15 và Điều 16) theo xu hướng đáp ứng yêu cầu thực tiễn, hài hòa giữa các quy định kỹ thuật theo khuyến cáo của WMO và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Theo quy định của Luật, Chính phủ sẽ có hướng dẫn chi tiết nội dung về hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn.

Quy định về vấn đề điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn (Điều 17) làm cơ sở cho đơn vị sự nghiệp công về khí tượng thủy văn, tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động cụ thể phục vụ yêu cầu cụ thể; quản lý chất lượng phương tiện đo khí tượng thủy văn (Điều 18) và kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn (Điều 19) chủ yếu dẫn chiếu tuân theo quy định của pháp luật về đo lường.

### **3. Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (Chương 3)**

Đây là Chương có nhiều quy định quan trọng, tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đối với công tác phòng, chống thiên tai. Hiện nay, một số quy định pháp luật, đặc biệt là Luật phòng, chống thiên tai năm 2013, các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã đề cập một số nội dung liên quan trực tiếp đến công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, loại thiên tai khí tượng thủy văn và cấp độ rủi ro thiên tai khí tượng thủy văn. Do vậy, việc xây dựng các quy định của Chương này đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với các văn bản liên quan, đồng thời phù hợp với tính chất đặc thù, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động khí tượng thủy văn.

- *Quy định nội dung hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (Điều 20)* làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có đủ cơ sở xác định quy trình, công việc trong hoạt động dự báo, cảnh báo.

- *Quy định về yêu cầu đối với dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (Điều 21)*: từ nay trở đi tổ chức, cá nhân hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phải chịu trách nhiệm về bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn do mình ban hành.

- *Quy định về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (Điều 22); nội dung bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (Điều 23)* phù hợp với quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn, pháp luật về phòng, chống thiên tai.

- *Về Hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia (Điều 24)*: Luật xác định rõ đây là Hệ thống gồm các tổ chức sự nghiệp công lập về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn các cấp do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý. Đồng thời, Luật quy định rõ nguyên tắc, trách nhiệm hoạt động của Hệ thống này.

- *Về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân không thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia (Điều 25)*: Hiện nay, đã xuất hiện nhu cầu và trên thực tế đã có sự tham gia hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của các tổ chức, cá nhân, bao gồm cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài. Hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn mang tính

chuyên môn sâu hết sức đặc thù, và có tác động lớn tới xã hội. Do vậy, để đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu xã hội hóa hoạt động khí tượng thủy văn, Luật quy định tổ chức, cá nhân có thể tham gia hoạt động dự báo, cảnh báo theo các nguyên tắc của Luật và khi đáp ứng đủ các điều kiện về tiêu chuẩn năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cũng như các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép. Để đảm bảo tính pháp lý, Luật quy định giao Chính phủ quy định chi tiết thêm điều kiện, thủ tục cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân không thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia.

- *Về truyền, phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn (Điều 26):* Hoạt động truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có ý nghĩa hết sức quan trọng, đặc biệt trong công tác phòng, chống thiên tai, phục vụ cộng đồng. Hiện tại, việc truyền, phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai được thực hiện theo Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai (triển khai Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013). Do vậy, Luật khẳng định rõ khi truyền, phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cơ quan, tổ chức truyền, phát tin phải chuyển tải sang ngôn ngữ dân tộc phù hợp.

- *Về sử dụng bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (Điều 27):* để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hoạt động này, Luật quy định một số cơ quan có trách nhiệm phải sử dụng bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn do hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia ban hành. Bên cạnh đó, Luật cũng quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động phòng, chống thiên tai phải sử dụng bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn mới nhất do hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia ban hành.

#### **4. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn (Chương 4)**

Chương này quy định về cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia, bao gồm: nội dung thông tin, dữ liệu; lưu trữ; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, theo

hướng “Các sản phẩm của hoạt động khí tượng thủy văn được chia thành hai loại: loại phục vụ cộng đồng, phòng chống thiên tai được cung cấp miễn phí và được phổ biến rộng rãi, loại phục vụ nhu cầu riêng được coi như một loại hàng hoá dịch vụ lưu thông và người khai thác, sử dụng thì phải thực hiện nghĩa vụ về phí theo các quy định hiện hành”.

- *Về nội dung thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn (Điều 29)*: Hiện nay, Chính phủ đã có Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2008 về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, trong đó quy định các loại dữ liệu về khí tượng thủy văn. Để đầy đủ cơ sở pháp lý triển khai trong thực tiễn, Luật quy định theo hướng khái quát hóa các loại thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn bao gồm 8 nhóm chính. Đây chính là nguồn “đầu vào” cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về khí tượng thủy văn (bao hàm cơ sở dữ liệu giám sát biến đổi khí hậu) quy định tại Điều 31 của Luật.

- *Về quy định khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn (Điều 32)*: Nghĩa vụ tài chính trong vấn đề khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thời gian qua chưa có cơ chế phù hợp và thỏa đáng, hiệu quả. Mức phí thu cho việc cung cấp số liệu chỉ mới tính đến các chi phí về bảo quản, sao chụp, đóng gói mà chưa tính đến việc bù đắp lại cho đầu tư cơ sở hạ tầng của hệ thống quan trắc. Các bản tin dự báo theo yêu cầu riêng thực hiện theo cơ chế dịch vụ với mức giá thành rất thấp. Cơ chế dịch vụ của hoạt động khí tượng thủy văn chưa phù hợp. Do vậy, Luật quy định theo hướng tách rõ các hoạt động khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn khi phục vụ mục đích nào thì được cung cấp miễn phí, phục vụ mục đích nào thì phải thực hiện nghĩa vụ nộp phí. Hiện nay, Luật phí, lệ phí năm 2015 đã quy định việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thuộc Danh mục phí. Theo đó, để đảm bảo tính khả thi quy định của Luật, Chính phủ sẽ tiếp tục quy định cụ thể điều này. Nội dung này sẽ bao hàm cả cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia với các tổ chức, cá nhân sở hữu dữ liệu khí tượng thủy văn tự thu thập được, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu khí tượng thủy văn.

## **5. Giám sát biến đổi khí hậu (Chương 5)**

Ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là vấn đề liên ngành, liên vùng. Trong đó nhiệm vụ của ngành khí tượng thủy văn là cung cấp các luận cứ khoa học về biến đổi khí hậu và các loại thông tin “đầu vào”, làm cơ sở xác định các biện pháp và xây dựng các công cụ thích ứng, các hành động giảm nhẹ, cũng như đánh giá các tác động của biến đổi khí hậu. Nhiệm vụ của ngành khí tượng thủy văn được xác định chung là Giám sát biến đổi khí hậu.

Cơ sở khoa học và thực tiễn hoạt động của ngành khí tượng thủy văn Việt Nam cũng như các nước trên thế giới cho thấy, nhiệm vụ của ngành khí tượng thủy văn trong ứng phó với biến đổi khí hậu chủ yếu bao gồm:

- Giám sát biến đổi khí hậu.
- Định kỳ đánh giá khí hậu quốc gia, nghiên cứu phát hiện dao động khí hậu và biến đổi khí hậu, đánh giá hiệu quả việc khai thác tài nguyên khí hậu.
- Xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế xã hội, môi trường, sinh thái, đề xuất các giải pháp thích ứng, làm cơ sở cho việc lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào việc xây dựng, hoạch định chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

Xuất phát từ các căn cứ nêu trên, Luật quy định Chương về Giám sát biến đổi khí hậu với các nội dung chủ yếu liên quan tới vai trò của hoạt động khí tượng thủy văn trong ứng phó với biến đổi khí hậu, hoạt động, nội dung giám sát biến đổi khí hậu, xây dựng cơ sở dữ liệu về giám sát biến đổi khí hậu, đánh giá khí hậu quốc gia. Nội dung về giám sát biến đổi khí hậu trong Luật khí tượng thủy văn không trùng lặp với các quy định liên quan đến thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu trong các Luật đã ban hành thời gian qua.

## **6. Hoạt động phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn (Chương 6)**

Mục tiêu quan trọng nhất của tất cả cơ quan khí tượng thủy văn quốc gia và WMO là phục vụ khí tượng thủy văn. Qua rà soát, hầu hết cơ quan khí tượng thủy văn của các nước đều có tên gọi là Hydrometeorological Service (HMS) of... Ngành khí tượng thủy văn Việt Nam từ khi tham gia Tổ chức khí tượng thế

giới đến nay đều giao dịch với tên gọi quốc tế là “Meteorological/Hydrometeorological Service of Vietnam”.

Bên cạnh các hoạt động phục vụ khí tượng thủy văn cung cấp thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn; thông tin cảnh báo, dự báo; kết quả nghiên cứu ứng dụng khí tượng thủy văn vào hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, thì các hoạt động dịch vụ thu phí, đẩy mạnh khai thác các giá trị thương mại, làm gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đã trở thành xu thế và phát triển mạnh trên thế giới. Dịch vụ khí tượng thủy văn đem lại nhiều kết quả tích cực, vừa có ý nghĩa nâng cao giá trị, vai trò của hoạt động khí tượng thủy văn, vừa có tác dụng tái đầu tư cho hoạt động khí tượng thủy văn phát triển. Ở rất nhiều nước như New Zealand, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc... đã phát triển dịch vụ khí tượng thủy văn ở mức cao. Bằng văn bản pháp lý, WMO cũng đã khẳng định về vấn đề phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn.

Đề phù hợp với yêu cầu thực tiễn của Việt Nam và vận dụng kinh nghiệm quốc tế, Luật bố cục Chương 6 “Hoạt động phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn” quy định về nội dung, đối tượng, quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phục vụ và được phục vụ khí tượng thủy văn, quản lý hoạt động phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn của cơ quan quản lý nhà nước. Theo đó, nội dung hoạt động phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn tại Điều 38 đã quy định rõ:

- Phục vụ khí tượng thủy văn là dịch vụ công không vì mục đích lợi nhuận, gồm 5 nhóm nội dung;

- Dịch vụ khí tượng thủy văn là hoạt động có thu trên cơ sở thỏa thuận giữa người cung cấp và người sử dụng dịch vụ, gồm 10 nhóm nội dung.

Quy định về cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn (Điều 39) theo hướng: phục vụ khí tượng thủy văn là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức sự nghiệp công lập về khí tượng thủy văn; và dịch vụ khí tượng thủy văn do Tổ chức sự nghiệp công lập về khí tượng thủy văn cung cấp dịch vụ khí tượng thủy văn theo chức năng, nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, các tổ chức, cá nhân khác thì cung cấp dịch vụ khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm tạo sự bình



đăng giữa các đối tượng tham gia cung cấp dịch vụ khí tượng thủy văn. Ngoài ra, Luật còn quy định đảm bảo hướng rộng mở cơ hội hợp tác giữa tổ chức khí tượng thủy văn của Nhà nước với tổ chức, cá nhân bên ngoài thông qua việc cho phép Tổ chức sự nghiệp công lập về khí tượng thủy văn được tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, khai thác các sản phẩm, dịch vụ khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân khác trên cơ sở đặt hàng hoặc thỏa thuận theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 39).

### **7. Tác động vào thời tiết (Chương 7)**

Trên thế giới hiện nay, các nước tiên tiến thường sử dụng công nghệ tác động vào thời tiết phục vụ sản xuất nông nghiệp, giao thông hoặc phục vụ các hoạt động xã hội có quy mô lớn. Trong lịch sử cũng đã có trường hợp sử dụng việc tác động vào thời tiết nhằm cản trở các hoạt động quân sự của đối phương (hay còn gọi cách khác là “Chiến tranh khí tượng”).

Ở nước ta, gần như chưa có nghiên cứu sâu và kinh nghiệm tác động vào thời tiết. Tuy nhiên, trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thiên tai có xu hướng gia tăng, trong tương lai cần thiết sẽ có nhu cầu thực hiện các hoạt động tác động vào thời tiết nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mặt khác, không loại trừ khả năng một số thế lực thù địch sẽ tìm mọi biện pháp phá hoại sự phát triển bình thường của đất nước, trong đó có cả những biện pháp sử dụng công nghệ tác động vào thời tiết, làm gia tăng tác hại của thiên tai, phá hủy mùa màng và các hoạt động kinh tế - xã hội khác đối với Việt Nam.

Vì vậy, Chương về tác động vào thời tiết trong Luật khí tượng thủy văn quy định những nguyên tắc cơ bản, nội dung, phạm vi tác động vào thời tiết, cơ quan, tổ chức cá nhân được phép tác động vào thời tiết và thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết. Đây cũng sẽ là cơ sở pháp lý để phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động, hành vi can thiệp, tác động vào thời tiết do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện trái phép trên lãnh thổ Việt Nam.

### **8. Hợp tác quốc tế về hoạt động khí tượng thủy văn (Chương 8)**

Hợp tác quốc tế về khí tượng thủy văn hết sức đặc thù. Việt Nam là thành viên của Tổ chức khí tượng thế giới (WMO), nhiều tổ chức khí tượng thủy văn khu vực và thế giới như Chương trình Thủy văn quốc tế (IHP), Ủy hội sông Mê Công quốc tế (MRC), Ủy ban Bão Châu Á - Thái Bình Dương (Typhoon Committee)..... Trong hợp tác song phương, ngành khí tượng thủy văn của Việt Nam đã và đang hợp tác hiệu quả với ngành khí tượng thủy văn của các nước như Đức, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Nga, Ailen, Úc, Na Uy, Thái Lan...

Ngoài việc phải thực hiện nhiệm vụ phát báo quốc tế theo quy định đối với vai trò của thành viên WMO, trong bối cảnh thế giới và Việt Nam đều đang chú trọng các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở quy mô toàn cầu thì với vai trò và chức năng của mình, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khí tượng thủy văn ứng phó với biến đổi khí hậu càng trở nên quan trọng. Do vậy, để đảm bảo tính đặc thù, riêng có của hoạt động hợp tác quốc tế về khí tượng thủy văn, trong Luật khí tượng thủy văn, Chương này quy định cụ thể những vấn đề sau:

- Nguyên tắc hợp tác quốc tế về hoạt động khí tượng thủy văn.
- Nội dung hợp tác quốc tế về hoạt động khí tượng thủy văn.
- Trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ quan đầu mối hợp tác quốc tế khí tượng thủy văn là Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Theo quy định của WMO, các quốc gia thành viên ngoài trách nhiệm phục vụ các nhu cầu trong nước còn có nghĩa vụ chia sẻ dữ liệu quan trắc và thực hiện phát báo quốc tế. Việt Nam hiện nay có 47 Trạm Khí tượng, 30 Trạm Thủy văn thực hiện cung cấp số liệu cho Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO), Ủy ban Quốc tế Sông Mê Kông và các nước trong khu vực. Đồng thời, cũng thực hiện các hoạt động thu nhận dữ liệu của 500 trạm khí tượng thủy văn từ các trung tâm dữ liệu quốc tế, thu thập dữ liệu viễn thám, trao đổi các sản phẩm dự báo... Do vậy, Luật khẳng định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối trong việc trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn quốc tế (Điều 47). Đồng thời, để đủ cơ sở pháp lý triển khai trên thực tiễn việc trao đổi, thông tin dữ liệu với quốc tế, Luật giao cho Chính phủ quy định cụ thể Điều

48 “Trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài”.

### **9. Quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn (Chương 9)**

Theo tổng kết tình hình thi hành pháp luật khí tượng thủy văn giai đoạn 1994 - 2014, quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn là khâu yếu và nhiều bất cập từ Trung ương đến địa phương. Chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực khí tượng thủy văn chưa rõ và rành mạch trách nhiệm. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã chưa được giao nhiệm vụ cụ thể về quản lý nhà nước lĩnh vực khí tượng thủy văn. Theo quy định của pháp luật, đây lại là những cấp chính quyền cơ sở sâu sát nhất, quản lý trực tiếp đất đai, tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh của các hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn quản lý. Bên cạnh đó là mối quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trong ngành dọc của Trung ương về khí tượng thủy văn với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các Sở Tài nguyên và Môi trường còn chưa chặt chẽ, rành mạch trách nhiệm.

Để khắc phục toàn diện những bất cập, hạn chế về quản lý nhà nước lĩnh vực khí tượng thủy văn, Luật quy định về nội dung, trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp về quản lý nhà nước đối với hoạt động khí tượng thủy văn.

### **10. Điều khoản thi hành (Chương 10)**

Xuất phát từ việc dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn là một ngành, nghề đặc thù, đòi hỏi phải có trình độ khoa học - công nghệ chuyên ngành cũng như kinh nghiệm thực tiễn; sự chuẩn xác của thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có tác động lớn đến đời sống KT-XH của đất nước, ảnh hưởng tới quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, tính mạng và sức khỏe của người dân. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật đầu tư năm 2014 thì hoạt động “Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn” phải được xác định là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện để bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước. Tuy nhiên, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn chưa có trong Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục 4 của Luật đầu tư năm 2014. Để xử lý, giải quyết vấn đề này, Luật khí tượng thủy văn đã có quy định tại Điều 54. “Bổ sung Danh

mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 như sau: “268. Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.”.

Ngoài ra để đảm bảo tính thực tiễn trong quá trình triển khai thi hành, Luật quy định 3 nội dung mang tính chuyển tiếp tại Điều 55 như sau:

*“1. Hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết theo thủ tục hành chính về hoạt động khí tượng thủy văn trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.*

*2. Không thực hiện việc cấp giấy phép hoạt động đối với công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn kể từ ngày Luật này được công bố.*

*3. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, khai thác trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng có trách nhiệm báo cáo về hiện trạng các trạm thuộc quyền quản lý như sau:*

*a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*b) Tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trạm để tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.”.*

Luật có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 7 năm 2016, và Chính phủ, các cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Để triển khai thi hành Luật, Chính phủ phải quy định chi tiết 05 nhóm nội dung, Bộ Tài nguyên và Môi trường phải quy định chi tiết 05 nhóm nội dung, đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết 01 nội dung. Song song với việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật nhằm quy định chi tiết, hướng dẫn Luật, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật khí tượng thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phải xây dựng, tổ chức thực hiện đề án phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu. Cụ thể là các văn bản sau:

1. Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khí tượng thủy văn;
2. Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;
3. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung quan trắc đối với trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia;
4. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;
5. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu và việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia;
6. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và đánh giá khí hậu quốc gia;
7. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết;
8. Danh mục phương tiện đo khí tượng thủy văn phải kiểm định, hiệu chuẩn do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành;
9. Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt./.